

**TÒA ÁNNHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 613/2023/HS-PT  
Ngày 28/7/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁNNHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Ngân

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Văn Thành

Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Tiệp Anh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 331/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Minh H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

1) **PHẠM DUY T**, sinh năm: 1952; giới tính: Nam; ĐKNKTT và nơi ở: huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 7/10; con ông: Phạm Duy K(đã chết) và bà Nguyễn Thị I(đã chết); vợ: Trần Thị X, có 04 con lớn nhất sinh năm 1979 và nhỏ nhất sinh năm 1984 ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

**2) NGUYỄN MINH H**, sinh năm: 1973; giới tính: Nam; ĐKNKTT và nơi ở: huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Văn A (đã chết) và bà Lê Thị U (đã chết); vợ: Phạm Thị Y, có 02 sinh năm 2002 và 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

*Trong vụ án còn có bị cáo Đỗ Văn L không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên tòa không triệu tập.*

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:**

Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1958; trú tại: huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2009 đến năm 2018, các cán bộ huyện Thường Tín do Phạm Duy T - Bí thư chi bộ thôn, Nguyễn Tiến Q - Trưởng thôn (đã chết ngày 18/6/2018) và Nguyễn Minh H - Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng thôn, đã tổ chức nhiều cuộc họp chi bộ, hội nghị quân dân chính gồm: ban chỉ ủy chi bộ, trưởng, phó thôn; trưởng các chi hội; trưởng ban công tác mặt trận; trưởng các xóm; tổ hội đồng, thanh tra nhân dân để bàn bạc, thực hiện chuyển quyền sử dụng đất công xen kẹt bao gồm đất ao, đất nghĩa trang, đất hố rãnh để có kinh phí xây dựng, cải tạo các công trình phúc lợi, công trình tâm linh và chỉ cho các hoạt động thường xuyên của thôn. Từ tháng 01/2009 đến tháng 10/2018, chi bộ thôn họp 115 cuộc, trong đó có các cuộc họp ngày: 03/5/2009, 03/11/2009, 03/7/2010, 02/01/2010, 03/11/2010, 03/9/2012, 10/12/2013 do Phạm Duy T - Bí thư chi bộ chủ trì, thống nhất nội dung đề ra chủ trương đồng ý cho chính quyền thôn tổ chức thuê thầu đất công lâu dài, thu tiền để xây dựng các công trình phúc lợi và chỉ các hoạt động thường xuyên tại thôn. Từ tháng 4/2012 đến tháng 6/2018, thôn tổ chức 72 hội nghị quân dân chính do Nguyễn Tiến Q - Trưởng thôn chủ trì. Thành phần dự họp gồm: Ban chỉ ủy Chi bộ, trưởng, phó thôn; trưởng các chi hội; trưởng ban công tác mặt trận; trưởng các xóm; tổ hội đồng, thanh tra nhân dân. Trong đó, kỳ họp các ngày 13/4/2012; 12/12/2012; 17/12/2012; 15/5/2013; 9/02/2014; 08/11/2015; 28/01/2016 đã bàn bạc nội dung liên quan đến việc chuyển giao các khu đất xen kẹt lấy tiền để xây dựng các công trình phúc lợi của thôn.

Sau khi báo cáo và được chỉ bộ thôn đồng ý chủ trương chuyển quyền sử dụng đất công xen kẹt để lấy tiền xây dựng các công trình phúc lợi, Nguyễn Tiến Q đã thông báo các vị trí và giá tiền cho thuê thầu đến các hộ dân trong thôn, ai có nhu cầu thuê thầu đất thì sẽ đăng ký trực tiếp với Q, việc thuê thầu không qua đấu giá, đấu thầu. Ban đầu, thôn có quy định, nếu có từ 02 người cùng đăng ký thuê thầu lâu dài một thửa đất thì thôn sẽ tổ chức bốc thăm. Tuy nhiên sau khi tổ chức bốc thăm đợt cho thuê thầu đầu tiên vào ngày 30/5/2009 thì thôn thống nhất chủ trương là sau khi thông báo việc cho thuê thầu đất đến các trưởng xóm, người đến đăng ký thuê thầu với Nguyễn Tiến Q đầu tiên sẽ được chọn để cho thuê thầu đất công. Sau khi chọn được người thuê thầu, thôn yêu cầu người thuê đất nộp tiền một lần cho Đỗ Văn L là thủ quỹ thôn, tại nhà văn hóa thôn.

Từ năm 2009, các cán bộ thôn đã tổ chức chuyển quyền sử dụng đất 4.668,84 m<sup>2</sup> đất công (chia làm 56 suất đất) chủ yếu thông qua các hợp đồng thuê thầu đất nhưng tiền thuê thầu đất được thanh toán 01 lần, không ghi thời hạn cho thuê đất và điều khoản kết thúc hợp đồng, cho 49 hộ gia đình thu tổng số tiền là 6.089.850.000 đồng. Cụ thể:

- Năm 2009, thôn tổ chức chuyển quyền sử dụng đất công (đất 2 lúa, đất hố và nghĩa trang) với tổng diện tích 763,11 m<sup>2</sup> cho 09 hộ gia đình thu 974.100.000 đồng, gồm các hộ: Phan Văn V, SN: 1957 - diện tích 69m<sup>2</sup>; Đoàn Ngọc O, SN: 1977 - diện tích 92m<sup>2</sup>; Đoàn Quốc N - diện tích 94m<sup>2</sup>; Đỗ Thị Thuận J, SN: 1982 - diện tích 118,11m<sup>2</sup>; Nguyễn Thị E - diện tích 141m<sup>2</sup>; Ngô Thanh P, SN: 1980 - 90m<sup>2</sup>; Đỗ Thị G, SN: 1965 - diện tích 82m<sup>2</sup>; Nguyễn Tiến D, SN: 1988 - diện tích 72,5m<sup>2</sup>; Phạm Thị S, SN: 1938 - diện tích 4,5m<sup>2</sup>.

- Năm 2010, thôn tổ chức chuyển quyền sử dụng đất công (đất rãnh cù và đất nghĩa trang) với tổng diện tích 269m<sup>2</sup> cho 04 hộ gia đình thu 306.700.000 đồng, gồm các hộ: Đặng Mạnh M, SN: 1960 - diện tích 90m<sup>2</sup>; Nguyễn Thị Ê, SN: 1964 - diện tích 99m<sup>2</sup>; Tạ Văn Ấ, SN: 1958 - diện tích 60m<sup>2</sup>; Phạm Việt Ổ - diện tích 20m<sup>2</sup>.

- Năm 2011, thôn tổ chức chuyển quyền sử dụng đất công (đất hố rãnh, đất nghĩa trang...) với tổng diện tích 248,2 m<sup>2</sup> cho 05 hộ gia đình thu 1.521.450.000 đồng gồm các hộ: Phạm Thị BI, SN: 1960 - diện tích 44,7m<sup>2</sup>; Đặng Thị Thu U, SN: 1974 - diện tích 68,8m<sup>2</sup> và 65,5m<sup>2</sup>; Đỗ Bá NG, SN: 1963 - diện tích 29,5m<sup>2</sup>; Hoàng Kim ĐG, SN: 1973 - diện tích 39,7m<sup>2</sup>.

- Năm 2012, thôn tổ chức chuyển quyền sử dụng đất công (đất gò, 2 lúa, đất nghĩa trang...) với tổng diện tích 385,80 m<sup>2</sup> cho 08 hộ gia đình thu 422.700.000 đồng gồm các hộ: Phạm Thị HU, SN: 1980 - diện tích 28,5m<sup>2</sup>; Nguyễn Minh HO 58m<sup>2</sup> và 20m<sup>2</sup>; Nguyễn Chí TU, SN: 1986 - diện tích 103m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Tạ Văn CI, SN: 1958 - diện tích 37,3m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Đỗ Khắc DI, SN: 1977 - diện tích 56m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Phạm Thị Bích HB, SN: 1969 - diện tích 78m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Tạ Ngọc BA, SN: 1971 - diện tích 5m<sup>2</sup>.

- Năm 2013, thôn tổ chức chuyển quyền sử dụng đất công (đất ao, đất nghĩa trang...) với tổng diện tích 694,43 m<sup>2</sup> cho 04 hộ gia đình thu 685.000.000 đồng gồm các hộ: Đỗ Doãn QG, SN: 1967 - diện tích 108,6m<sup>2</sup>; Đỗ Văn TH, SN: 1969 - diện tích 508m<sup>2</sup>; Bùi Văn TA, SN: 1960 - diện tích 75m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Nguyễn Thị HI - diện tích 2,83m<sup>2</sup>; riêng hộ Phạm Việt O không thu được biên bản thuê thầu đất, chỉ thu được phiếu thu tiền nên không xác định được đã giao bao nhiêu đất cho hộ Phạm Việt O, chỉ xác định được đã thu 10.500.000 đồng.

- Năm 2014, thôn tổ chức chuyển quyền sử dụng đất công (đất 2 lúa, đất ao...) với tổng diện tích 1.435,60 m<sup>2</sup> cho 12 hộ gia đình thu 1.028.200.000 đồng, gồm các hộ: Đỗ Thị Thuận J, SN: 1982 - diện tích 90m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Đỗ Minh HA, SN: 1982 - diện tích 100m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Lê Thị UY, SN: 1966 - diện tích 180m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Đỗ Văn HC, SN: 1972 - diện tích 60m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Bùi Thị OA - diện tích 90m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Vũ Văn HV, SN: 1973 - diện tích 121,3m<sup>2</sup>; Đỗ Doãn VI, SN: 1966 - diện tích 50,1m<sup>2</sup>; Đặng Quốc TA, SN: 1982 - diện tích 65,2m<sup>2</sup>; Nguyễn Văn TG, SN: 1967 - diện tích 119m<sup>2</sup>; Tống Văn HT, SN: 1991 - diện tích 100m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009); Nguyễn Văn CN, SN: 1969 - diện tích 360m<sup>2</sup>; Phùng Thị HP, SN: 1981 - diện tích 100m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2009).

- Năm 2015, thôn tổ chức chuyển quyền sử dụng đất công (đất ao, đất 2 lúa, đất nghĩa trang...) với tổng diện tích 402,10 m<sup>2</sup> cho 06 hộ gia đình thu 508.600.000 đồng, gồm các hộ: Nguyễn Xuân KA, SN: 1971 - diện tích 100,1m<sup>2</sup> (trong biên bản thuê thầu ghi năm 2008); Đỗ Văn ĐO, SN: 1959 - diện tích 134m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2014); Đặng Thị TR, SN: 1959 - diện tích 52m<sup>2</sup>; Nguyễn Thị TY, SN: 1976 - diện tích 66m<sup>2</sup> (biên bản thuê

thầu ghi năm 2011); Trương Thị OA, SN: 1958 - diện tích 30m<sup>2</sup>; Phạm Hoài HM - diện tích 20m<sup>2</sup>.

- Năm 2016, thôn tổ chức chuyển quyền sử dụng đất công (đất 2 lúa) với tổng diện tích 105m<sup>2</sup> cho 02 hộ gia đình thu 315.000.000 đồng, gồm các hộ: Trương Thị OA, SN: 1958 - diện tích 100m<sup>2</sup>, Nguyễn Ngọc SN - diện tích 5m<sup>2</sup>.

- Năm 2017, thôn tổ chức chuyển quyền sử dụng đất công (đất 2 lúa, đất nghĩa trang) với tổng diện tích 365,6m<sup>2</sup> cho 05 hộ gia đình thu 328.100.000 đồng, gồm các hộ: Nguyễn Thị TY, SN: 1976 - diện tích 144,4m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2014); Đỗ Văn QI, SN: 1969 - diện tích 144,4m<sup>2</sup> (biên bản thuê thầu ghi năm 2014); Nguyễn Thị UI, SN: 1968 - diện tích 29,8m<sup>2</sup>; Đỗ Thị OC, SN: 1960 - diện tích 41m<sup>2</sup>; Phó Văn AT - diện tích 6m<sup>2</sup>.

Các trường hợp có tên như Nguyễn Thị E, Phạm Văn OI, Trương Thị OA, Nguyễn Ngọc SN, Phó Văn AT, Nguyễn Thị HI, Phạm Việt O đã điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Phạm Thị S qua xác minh hiện không tỉnh táo; Đoàn Quốc N, đã chết; ông Hồ Kháng IE có tên trong biên bản nhưng không ký, tại phiên tòa cho rằng không liên quan tới việc giao đất.

Việc đấu thầu, giao đất có Trưởng, Phó thôn; Bí thư, Phó bí thư chỉ bộ và trưởng các ban, ngành thôn qua các thời kỳ từ năm 2009 đến năm 2018 chứng kiến và ký vào các Biên bản giao thầu sử dụng đất lâu dài, Biên bản thu tiền sử dụng đất lâu dài, Biên bản thu tiền tự nguyện đóng lệ phí và giao quyền sử dụng đất nghĩa trang, đất vi phạm.

Nguyễn Tiến Q - Trưởng thôn (đã chết năm 2018) ký 74 biên bản có liên quan đến việc cho thuê thầu đất công (trong đó gồm: 35 Biên bản giao thầu sử dụng đất lâu dài; 12 biên bản thu tiền sử dụng đất lâu dài, 17 phiếu thu, 9 biên bản thu tiền tự nguyện đóng lệ phí và giao quyền sử dụng đất nghĩa trang, đất vi phạm, 01 biên bản chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp).

Phạm Duy T - Bí thư chỉ bộ ký 57 biên bản có liên quan đến việc cho thuê thầu đất công (trong đó gồm: 35 Biên bản giao thầu sử dụng đất lâu dài; 11 biên bản thu tiền sử dụng đất lâu dài, 10 biên bản thu tiền tự nguyện đóng lệ phí và giao quyền sử dụng đất nghĩa trang, đất vi phạm, 01 biên bản chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp).

Nguyễn Minh H - Phó bí thư chi bộ, phó thôn ký 47 biên bản có liên quan đến việc cho thuê thầu đất công (trong đó gồm: 28 Biên bản giao thầu quyền sử dụng đất lâu dài; 9 biên bản thu tiền sử dụng đất lâu dài, 10 biên bản thu tiền tự nguyện đóng lệ phí và giao quyền sử dụng đất nghĩa trang, đất vi phạm).

Đỗ Văn L - thủ quỹ thôn ký 59 biên bản có liên quan đến việc cho thuê thầu đất công (trong đó gồm: 28 Biên bản giao thầu quyền sử dụng đất lâu dài; 10 biên bản thu tiền sử dụng đất lâu dài, 06 biên bản thu tiền tự nguyện đóng lệ phí và giao quyền sử dụng đất nghĩa trang, đất vi phạm, 15 tờ phiếu thu tiền).

Số tiền thu được từ việc cho thuê thầu đất được nhập vào quỹ chung của thôn. Quỹ chung của thôn bao gồm: tiền thu từ cho thuê thầu đất; tiền khen thưởng của các ngành cấp trên; tiền công đức của các nhà hảo tâm; tiền ủng hộ của nhân dân trong thôn,... được sử dụng vào mục đích xây dựng, tu sửa các công trình công ích, phúc lợi của thôn như nhà văn hóa, đình, chùa, giếng, đường làng, tu sửa kênh mương,... và chi vào các hoạt động thường xuyên khác của thôn như: chi công tác cán bộ quân dân chính dự họp, tiền chè thuốc, ăn uống cho các hội nghị, lễ tết, chi tham quan du lịch cho nhân dân trong thôn... Việc chi quỹ thôn do Nguyễn Tiến Q là người duyệt chi, ký vào cột thủ trưởng đơn vị hoặc cột giám đốc trong phiếu chi để chuyển cho Đỗ Văn L xuất tiền. Việc thu, chi đều có phiếu chi, phiếu thu hoặc biên bản thu tiền đối với tiền thu được từ việc cho thuê đất trái thẩm quyền và được ghi chép lại bằng sổ sách. Khi kết thúc mỗi hạng mục công trình xây dựng hoặc định kỳ 6 tháng, Nguyễn Tiến Q và Đỗ Văn L sẽ tổng hợp lại các khoản thu, chi của thôn để công khai trước dân và chi bộ thôn.

Hiện các sổ sách thể hiện việc thu, chi quỹ chung của thôn trong giai đoạn 2009 - 2018 không được lưu giữ đầy đủ nên không xác định được tổng số thu trong giai đoạn này là bao nhiêu tiền. Quá trình điều tra xác định tổng chi của thôn trong giai đoạn này là: 7.819.594.000 đồng, trong đó chi xây dựng công trình là 5.403.498.000 đồng và chi các hoạt động của thôn là 2.416.096.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐG ngày 28/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Thường Tín, kết luận:

- Đối với tài sản được định giá: Tổng giá trị 47 thửa đất với tổng diện tích 4.541,31 m<sup>2</sup> tại thời điểm thực tế cán bộ thôn giao đất là 613.081.000 đồng.

- Tài sản không có căn cứ định giá: 08 thửa đất với tổng diện tích 127.53 m<sup>2</sup> gồm 01 thửa đất ở và 07 thửa đất nghĩa trang.

Tổng giá trị tài sản trưng cầu định giá: 613.081.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HSST ngày 07/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Duy T, Nguyễn Minh H, Đỗ Văn L phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 điều 357; điểm o,s,v khoản 1 khoản 2 điều 51, điều 58, điều 38, điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Duy T 30(ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 điều 357; điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51, điều 58, điều 38, điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Minh H 30(ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định hình phạt của bị cáo Đỗ Văn L, quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/3/2023 và 17/3/2023 các bị cáo Nguyễn Minh H và Phạm Duy T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 14/3/2023 tập thể nhân dân thôn có đơn kháng cáo về hình phạt đối với các bị cáo là quá nhẹ và chưa giải quyết trách nhiệm dân sự còn tồn đọng và gửi kèm danh sách chữ ký của những người kháng cáo trong đó có bà Nguyễn Thị R là người được tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*Đại diện viện kiểm sát thành phố Hà Nội có quan điểm:*

Tòa án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Duy T, Nguyễn Minh H, Đỗ Văn L về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo điểm b khoản 2 điều 357 Bộ luật hình sự là chưa chính xác. Thiệt hại về tài sản 47 thửa đất

được định giá là 613.081.000 đồng nên hành vi của các bị cáo phạm vào khoản 3 điều 357 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Minh H rút đơn kháng cáo nên đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị R không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà Nụ nên không đề nghị xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*Về hình thức:* Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với đơn kháng cáo của tập thể nhân dân thôn, do những người đứng tên ký đơn không tham gia tố tụng, không có quyền kháng cáo nên không xem xét.

Bà Nguyễn Thị R có ký tên trong đơn kháng cáo của tập thể nhân dân thôn. Bà R là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án với tư cách là cùng một số người có tham gia vào các hội nghị quân dân và ký vào các biên bản họp, tòa án sơ thẩm chỉ nhận định việc Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà R và nhóm người trên là có căn cứ. Vì vậy theo quy định tại điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự thì bà R chỉ có quyền kháng cáo phần quyết định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, các nội dung trong đơn kháng cáo của bà R không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của bà trong vụ án nên xác định là không có quyền kháng cáo, tòa phúc thẩm không xem xét.

### *Về nội dung:*

Căn cứ lời khai của các bị cáo trong vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: Phạm Duy T giữ chức vụ bí thư chi bộ thôn, Nguyễn Minh H phó bí thư chi bộ, phó trưởng thôn, Đỗ Văn L, thủ quỹ thôn. Các bị cáo là những người lãnh đạo thôn, huyện Thường Tín, Hà Nội, theo quy định của pháp luật tại quyết định 42/2010/QĐ của Ủy ban nhân dân thành phố Hà

Nội thì lãnh đạo thôn chỉ có quyền ký các hợp đồng dịch vụ phục vụ dân sinh. Việc các bị cáo trên đã tổ chức cho thuê thâu đất công lâu dài, ký hợp đồng thuê không có thời hạn, thu tiền một lần là vượt quá thẩm quyền. Hành vi của các bị cáo đã bị tòa án nhân dân huyện Thường Tín xét xử về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Minh H rút đơn kháng cáo,việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Minh H, bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân huyện Thường Tín đối với hai bị cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm 28/7/2023.

Cần rút kinh nghiệm với tòa án cấp sơ thẩm, khi nhận được đơn kháng cáo của những người không có quyền kháng cáo thì phải làm thủ tục thông báo trả lại đơn theo quy định tại điều 334 Bộ luật tố tụng hình sự, không chuyển đơn lên cấp phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 về án lệ phí tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Duy T và Nguyễn Minh H, bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HSST ngày 07/3/2023 của tòa án nhân dân huyện Thường Tín,thành phố Hà Nội đối với Phạm Duy T và Nguyễn Minh H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm 28/7/2023.

- Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Hà Nội.
- Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.
- Bị cáo.
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nguyễn Bích Ngân***

